



Tháng Ba Gãy Súng

Cao Xuân Huy

TỰA

Tôi không phải là một nhà văn, mà tôi chỉ là một người lính, lính tác chiến đúng nghĩa của danh từ, và những điều tôi viết trong quyển sách này chỉ là một câu chuyện, câu chuyện thật một trăm phần trăm được kể lại bằng chữ.

Tôi viết những điều mà những thằng lính chúng tôi đã trực tiếp tham dự nhưng không ai viết lại, trong khi nhiều người đã viết về những chuyện chiến trường thì hình như chẳng có ai dự. Trong lứa tuổi của tôi, lứa tuổi dưới mười khi theo gia đình di cư từ Bắc vào Nam, ngoại trừ những người có thân nhân ruột thịt bị giết bởi việt cộng, còn hầu hết, có bao nhiêu người thực sự căm thù việt cộng đâu, vì rõ rệt một điều là từ lứa tuổi tôi trở xuống, có đứa nào biết việt cộng là cái gì đâu.

Cũng y như lứa tuổi dưới mười khi theo cha mẹ qua Mỹ từ năm 1975 ở đây bây giờ. Cũng thù ghét việt cộng vậy, nhưng chỉ là cái thù gia truyền, cha mẹ thù ghét thì mình cũng thù ghét theo thể thôi, chứ chẳng có gì là sâu đậm cả. Cho đến khi lớn lên, đầu óc đã tạm đủ để suy xét thì khổ một nỗi, hệ thống tuyên truyền của Việt Nam Cộng Hòa lại có giá trị phản tuyên truyền nhiều hơn là tuyên truyền. Cho nên khi vào quân đội, tôi tình nguyện vào đơn vị tác chiến thứ thiệt vì căm thù kẻ địch thì ít mà vì cái máu ngông nghênh của tuổi trẻ, vì bị kích thích bởi những cảm giác mạnh của chiến trường thì nhiều. Tuy nhiên, vì ở một đơn vị thường xuyên tác chiến, cùng gian nguy, cùng sống chết với nhau nên tôi đã gắn bó với bạn bè, đồng đội trong đơn vị như với anh em ruột thịt. Tôi yêu đơn vị tôi, tôi yêu màu mũ, màu áo tôi, tôi yêu thuộc cấp tôi và tôi kính trọng thượng cấp tôi. Tôi bình thản chấp nhận mọi thói hư tật xấu của thượng cấp và thuộc cấp, và chính tôi cũng có quá nhiều thói hư tật xấu.

Nhưng, khi hai ông xếp lớn của tôi là **Đại Tá Lữ Đoàn Trưởng và Trung Tá Lữ Đoàn Phó bỏ Lữ Đoàn** gồm bốn Tiểu Đoàn tác chiến và các đơn vị phụ thuộc tổng cộng vào khoảng trên dưới bốn ngàn người trong **cơ quan bách để chạy lấy thân thì lòng căm hận của tôi đột nhiên bùng dậy**. Tôi giết việt cộng không gớm tay nhưng không bởi lòng căm thù vì giữa chúng tôi và việt cộng đã có lần ranh rõ rệt, hai bên chiến tuyến hẳn hoi, hễ cứ thấy mặt nhau là giết, dùng mọi mưu mọi cách để giết nhau. Còn đằng này, vừa mất niềm tin vừa tủi nhục vì những người mình vừa kính trọng vừa phải tuân lệnh một cách tuyệt đối.

Làm Thuyền Trưởng thì phải sống chết theo tàu, làm Đơn Vị Trưởng thì phải sống chết theo đơn vị. Tôi muốn nói đến tinh thần trách nhiệm của người chỉ huy. Người có quyền hành mà không có trách nhiệm nào có khác gì kẻ phản bội. **Chúng ta thua không phải vì kẻ địch mạnh mà vì trong hàng ngũ chúng ta có quá nhiều kẻ phản bội và hèn nhát**. Chính vì lòng thù hận sự hèn nhát và vô trách nhiệm của cấp chỉ huy nên hình ảnh và diễn tiến những ngày cuối cùng trước khi cả Lữ Đoàn tan rã và bị bắt bởi khoảng hơn một Đại Đội du kích việt cộng vào nửa cuối tháng Ba năm 1975 đã như một cuốn phim nằm in trong trí nhớ của tôi, chỉ cần một cái ấn nút là được chiếu lại một cách rõ nét với đầy đủ những suy nghĩ và phản ứng của tôi, với từng diễn tiến nhỏ mà tôi đã trải qua.

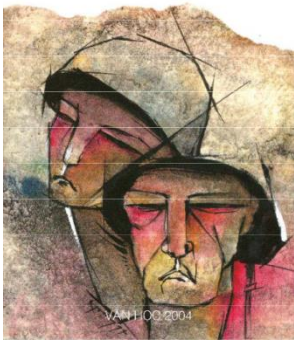
Tôi ôm cái kỷ niệm đau đớn và tủi nhục này cả chục năm nay, qua những năm tù đày, qua những ngày tháng lang thang ở trại tỵ nạn, qua đến Mỹ, tôi đọc được lời tuyên bố của một ông tướng cũ nào đó trên báo đại khái *“Để mất nước là tội chung của mọi người, làm lớn thì tội lớn, làm bé thì tội bé”*. Tôi nghĩ ngay đến một điều là những thằng đâm sau lưng chiến sĩ có tội, và những thằng chiến sĩ đưa lưng cho xếp của mình đâm cũng có tội luôn. Điều này đã là cái ấn nút để tôi kể lại câu chuyện này.

Điều tôi muốn nói trong quyển sách này là không ai là không quay lại nhìn chổ mình vừa ngã, và cũng không ai là không quay lại nhìn đồng phân mình vừa thái. Ngã là lỗi của chính mình, và phân có thói cũng là phân của mình, vậy mà tại sao cả chục năm nay vẫn không thấy ai dám quay nhìn lại cái lỗi đã làm cho mình ngã lên ngay trên đồng phân của mình, mà chỉ có toàn những lời chửi bới và đổ lỗi cho người khác, can đảm lắm cũng chỉ dám nhận một cái lỗi chung chung *“lớn lỗi lớn, bé lỗi bé”* đúng theo cái kiểu *“quốc gia hưng vong thất phu hữu trách”*. Thằng thất phu còn có lỗi thì còn ai mà không có lỗi, tôi cũng đành có lỗi vậy.

Tôi không nhớ câu này của ai: “Cái đám quân thần của triều đình cũ chẳng có gì phải ngại cả, vì khi có quân có quyền trong tay họ còn chẳng làm được trò trống gì, thì bây giờ, chỉ còn trơ lại có mỗi cái thân giá áo túi com, hỏi rằng họ sẽ làm được gì hơn ngoài cái giá và cái túi”. Đâu phải đất nước ta là một bàn cờ để hễ đánh thua ván này, xóa đi xếp quân làm lại bàn khác mà tướng vẫn là tướng, quân vẫn là quân. Đâu phải những con xe, con mã, con chốt đã chết đi đều có thể dựng đầu dậy để làm lại một trận mới.

Trí đã không mà dũng cũng không, chỉ có mỗi cái tài dờ dờ ương ương là sử dụng một cách bừa bãi cái dũng của người khác đến nỗi phải bỏ cả đất nước mà chạy, **đánh lừa để bỏ hàng triệu thằng dám chiến đấu tới cùng vào trong những trại tù đò**, vậy mà vẫn còn dám chường mặt ra đòi tiếp tục làm cha mẹ dân thì quả là quá lắm lắm. Cái dĩ vãng thối tha và hèn nhát thì dù cho người đương thời có thể bỏ qua, nhưng lịch sử đâu có tha thứ. Vẫn cái chính danh là chống cộng nhưng cái ngôn của các ông trước kia làm xếp lớn đã không thuận rồi, bây giờ phải để cho lớp người mới. Với tư thế mới, họ mới là những người thuận ngôn. Danh chính ngôn thuận mới có thể thắng được việt cộng, khôi phục lại được đất nước. Những con chốt thấp cổ bé miệng, những thằng bị đê đầu sai khiến ngày xưa và những người mới lớn bây giờ mới có quyền nói và mới là người có tư cách làm.

THÁNG BA GÃY SÚNG



Quyển sách này không hề là một tiểu thuyết mà là một hồi ký. Bởi vì tôi chưa từng là một người cầm bút và tôi cũng không biết cách sắp xếp câu chuyện như thế nào. Tháng Ba thì mọi người đã rõ, còn Gãy Súng, tôi muốn nói lên một điều đau lòng cho những thằng lính cầm súng, khẩu súng mà không có đạn thì giá trị không bằng một khúc củi mục, chính tôi đã dẫn Đại Đội xung phong lên chiếm mục tiêu mà chỉ bắn bằng mòm. Súng của chúng tôi có phải là đã bị bẻ gãy không khi mà vẫn có thể tiếp tế đạn cho chúng tôi để chúng tôi chiến đấu? Ai đã bẻ gãy súng của chúng tôi? Tôi đặt chữ Gãy Súng cho quyển sách này là như vậy.

Và tôi gọi Tháng Ba Gãy Súng là hồi ký vì tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về những điều tôi viết, tất cả những địa danh, những tên người, tên đơn vị, tất cả những diễn tiến đều là thật, thật một trăm phần trăm. Tôi không lồng vào đấy bất cứ một hư cấu nhỏ nào, chắc chắn là tôi đã quên khá nhiều chi tiết, và với cấp bậc và chức vụ thấp kém của tôi, chắc chắn là có rất nhiều dữ kiện mà tôi đã không được biết. Tôi viết lại hoàn toàn sự thật những điều mắt thấy, tai nghe, những điều tôi đã nhận lệnh và đã thi hành.

Nếu Tháng Ba Gãy Súng là tiểu thuyết thì tôi lại phải thêm một câu màu mè đại khái “*những nhân vật và những sự việc đều do sự tưởng tượng của tác giả, mọi sự trùng hợp chỉ là ngẫu nhiên ngoài ý muốn...*”, trong khi tôi chỉ có một điều ngoài ý muốn là tôi đã không đủ khả năng để viết tất cả những điều tôi phải viết.

Cao Xuân Huy

Nhà Văn Cao Xuân Huy sinh năm 1947 tại Bắc Ninh, Việt Nam. Nguyên Trung Úy Đại Đội Phó ĐĐ 4 thuộc TĐ 4 TQLC, bị CS Bắc Việt bắt tại mật trận Quảng Trị vào tháng 3-1975 và bị cầm tù 5 năm. Ông vượt biển đến Hoa Kỳ năm 1983, viết văn, làm báo tại Nam California cho đến nay. Ông đã qua đời vì bạo bệnh vào lúc 4:57 phút chiều thứ Sáu 12 tháng 11-2010 tại tư gia thuộc thành phố Lake Forest, Orange County, California.

Phần I

Tôi và thằng bạn lang thang khắp các quán nhậu, quán bia ôm trong thời gian thành phố đang xôn xao về chuyện mất Ban Mê Thuật. Vừa mới xong vụ Phước Long thương khó, bây giờ lại đến Ban Mê Thuật "khó thương". Không biết lần này những nơi ăn chơi của trai thanh gái lịch Sài Gòn có bị đóng cửa ba ngày như lần trước không? Nhưng cả chuyện mất Ban Mê Thuật lẫn chuyện đóng cửa những nơi du hí chẳng ăn nhậu gì đến bọn tôi cả. Cho dù tất cả những quán bia ôm bị đóng cửa, bọn tôi vẫn có thể lê la những quán cóc lề đường. Hơn nữa, lúc này đã vào nửa cuối tháng lương mà ngày vui chắc chắn sẽ còn rất dài nên chuyện ngồi quán cóc lại là điều hợp lý và hợp tiền. Thành ra với bọn tôi, nhậu cái gì cũng là nhậu. Chúng tôi cần nhậu và sau đó xuống xóm tìm chị em ta, thật giản dị và dễ tính. Quán cóc và các xóm chị em ta bảo đảm là không bị ảnh hưởng một tí gì về chuyện thành phố phải để tang cho một địa danh nào đó vừa mất.

Tôi cũng vậy. Phước Long mất; Ban Mê Thuật mất; Pleiku, Kontum đang chuẩn bị mất tôi xem như "nợ pa", bởi vì tôi sống và lớn lên ở Sài Gòn nên tôi đã thừa hưởng trọn vẹn cái thói thân nhiên, cái tính phớt tình Ăng Lê hơn người Ăng Lê của dân Sài Gòn. Thành thử một địa danh nào đó dù lớn dù nhỏ, vừa mất đi hay vừa chiếm lại được nếu không ăn nhậu gì đến chuyện làm ăn của mình, chuyện mất mát người thân của mình hay ảnh hưởng đến chuyện ăn chơi của mình thì dĩ nhiên không phải là chuyện của mình. Tiếng súng ở ngoài tầm tai của mọi người mà. "Tôi vẫn sống, tôi vẫn ăn và tôi vẫn thờ...".

Tôi đã trú đóng một thời gian ở Ban Mê Thuật, cũng có một ít kỷ niệm lãng nhãng về tình cảm ở Ban Mê Thuật. Nhưng tôi không có tài sản, tôi không có thân nhân đang ở hay đang đánh đấm ở Ban Mê Thuật, và những nơi ăn chơi của tôi ở Sài Gòn không bị ảnh hưởng bởi chuyện mất Ban Mê Thuật, nên một năm mười hai tháng, chỉ có mấy ngày là được ăn nhậu thoải mái, không phải lo bất cứ chuyện gì, vậy thì tại sao tôi phải bận tâm về những chuyện không phải của mình? Mất hay không mất Ban Mê Thuật thì đã sao?

La cà ở các quán nhậu và sau đó xuống xóm đã là một chương trình bắt di bắt dịch trong những lần phép ở Sài Gòn. Đã có lần tôi viết thư cho một người bạn kể về những lần phép và những ngày phép của tôi: "Ở Sài Gòn, suốt ngày tao chỉ ngồi và nằm, ngồi với rượu và nằm với gái, vì cả năm sau đó tao không còn được ngồi và nằm thoải mái nữa, và chưa chắc tao đã có thêm được một lần phép kế tiếp. Lý do thật giản dị là mỗi buổi sáng mở mắt ra mới biết là mình đã sống thêm được một ngày.

Thời gian này tôi chỉ tiếc một điều là Rex vừa chiếu một xuất đặc biệt phim Exorcist để lấy tiền giúp đồng bào chạy loạn; giá vé thật đắt nhưng đã hết nhẵn từ chiều, kể cả vé chợ đen đắt gấp ba bốn lần giá vé chính thức. Tôi đến trễ nên không mua được vé. Không hiểu cả năm nữa tôi mới được về, chắc gì đã đúng vào dịp phim này được chiếu lại. Tôi tiếc không phải vì tôi đã không được đóng góp chút đỉnh tiền theo kiểu trước mua vui sau làm việc nghĩa để cứu giúp đồng bào mình, mà vì phim này được quảng cáo hấp dẫn quá, tôi muốn được xem đã từ lâu rồi. Thôi thì lại nhậu.

Đến ngày hết hạn trên giấy phép tôi ra trình diện hậu cứ ở Vũng Tàu để gia hạn, vì tôi đã lên máy bay rời Huế chậm hơn ngày ghi trong giấy phép. Đường Sài Gòn - Vũng Tàu lúc này hơi mất an ninh nên những chuyến liên lạc giữa hậu cứ tiểu đoàn với Bộ tư lệnh ở Sài Gòn thưa hơn trước. Trong khi chờ đợi quyết định của tiểu đoàn trưởng ở hành quân, tôi la cà ở Bãi Trước để tránh phải nghe chuyện ngồi lê đôi mách, nói xấu nhau của những bà vợ sĩ quan ở khu gia binh của hậu cứ.

Ăn nhậu ở đây quá phí tiền nên không đợi tiểu đoàn trưởng gia hạn giấy phép - tôi biết chắc chắn là tôi sẽ không được gia hạn - và cũng không đợi để đi theo chuyến liên lạc, tôi tự động coi như mình đã hợp lệ chuyện kéo dài ngày phép, tôi lên xe đò về Sài Gòn sau một châu nhậu say mềm với bọn đệ tử ở hậu cứ. Thử hai quả lựu đạn trong túi quần cho chắc ăn, nhưng vừa bước chân lên xe tôi đã ngủ như chết. Về đến Sài Gòn tên lơ xe còn phải lay một hồi lâu tôi mới tỉnh. Tôi lại liên miên sáng xin chiều say tới nằm quay với gái, mặc dầu đã hết cả những ngày phép tự gia hạn. Nhưng nhằm nhò gì, tôi vẫn còn những ngày phép tự ký nữa vì tôi là một thằng có biệt tài trễ phép. Tùy cơ ứng biến, tôi có trăm phương nghìn kế để trễ phép mà không bị phạt. Tôi đã từng đi hai mươi tám ngày trong khi phép chỉ có bốn ngày, ra đơn vị cũng chỉ cười trừ.

Lần đi phép này, tôi đã không định trễ, nhưng vì tôi đã bị tiểu đoàn trưởng giữ lại đơn vị đến qua Tết ta trong khi giấy phép của tôi đã được gửi về hậu trạm trước Noël, nên không lý do gì mà tôi không trễ phép để bù lại sự thiệt thòi vô lý đó. Suốt bảy năm lính tôi chỉ được ăn Tết lén ở Sài Gòn một lần vào đầu năm 70 vì tôi tình nguyện đi học khóa Rừng Núi Sinh Lầy ở Dục Mỹ để câu giờ kiếm cái Tết. Để trả thù vì bị mất khơi khơi một cái Tết huy hoàng ở Sài Gòn tôi tính phải trễ phép một tháng tức là phải ở Sài Gòn một tháng rưỡi mới hả dạ. Tôi được phép thưởng đặc biệt mười lăm ngày, cho nên đã hết những ngày phép tự gia hạn, tôi còn đến một tháng phép tự ký nữa. Thiếu một tháng sĩ quan tại một đại đội lúc nào cũng có sẵn hai, ba tháng sĩ quan dự bị thì đâu có nhằm nhò gì, mợ đi lấy chồng thì chợ vẫn vui mà. Nhưng chợ đã không vui.

Chiều 15 tháng Ba, tôi gặp thiếu úy Bé Quân Cảnh vừa từ Bộ tư lệnh hành quân về, cho biết tiểu đoàn tôi đang dựng lón. Tiểu đoàn tôi nằm ở cây số 23 về phía bắc trên quốc lộ 1 tính từ Huế. Khu vực trách nhiệm của tiểu đoàn từ bờ bắc sông An Lỗ ra đến căn cứ Hòa Mỹ. Sát sông An Lỗ là hai làng Cổ Bi và Hiền Sĩ, nơi đã xảy ra những trận đánh lớn sát quốc lộ, và hiện nay vẫn đang bị đặc công và du kích quấy phá, nhưng chỉ là quấy phá chứ không có gì đáng ngại. Sát căn cứ Hòa Mỹ là làng Đồng Lâm, một cái làng mà hầu như từ trường áp trở xuống đều là Việt Cộng. Phía đông là bãi cát mênh mông, có một ít dân Quảng Trị chạy loạn về tạm cư lập thành một vài xóm nhỏ, tương đối an toàn. Còn về phía tây của vùng trách nhiệm, nơi đối diện thực sự với Việt Cộng, nơi mặt đối mặt, có chạm tuyến, có điểm đóng quân, nơi phía tây này có một trọng điểm là đồi 51. Từ đồi 51, chúng tôi có thể quan sát được những cuộc chuyển quân, kiểm soát được những hoạt động tại các vị trí của Việt Cộng, và cũng từ đồi 51, Việt Cộng có thể kiểm soát được các vị trí đóng quân của chúng tôi, kể cả một đoạn quốc lộ 1. Việt Cộng có thể dễ dàng liên lạc với bọn du kích nằm trong làng Đồng Lâm, nằm ngay sát quốc lộ và ngay bên cạnh căn cứ Hòa Mỹ. Nếu tiểu đoàn tôi dựng lón, chắc chắn là dựng tại đồi 51. Tính theo vòng thay đổi điểm đóng quân trong tiểu đoàn thì đại đội tôi đang nằm ở đồi 51.

Ban Mê Thuật mất không ăn nhậu gì đến tôi. Người ta đang bỏ Pleiku, Kontum cũng chẳng nhằm nhò gì đến tôi. Nhưng đồi 51, một ngọn đồi nhỏ không có tên, chúng tôi phải lấy cao độ của nó để đặt cho nó một cái tên cho dễ gọi, nơi mà không một người Sài Gòn nào nghe nói đến, nơi mà dù có mất nó cũng không đáng để cho người ta xê dịch cái kim hay đổi màu bút chì mờ trên bản đồ chiến sự trong những báo cáo hằng ngày, nơi mà bản tin chiến sự hằng ngày của đài phát thanh quân đội cũng không buồn đọc, nơi mà báo chí hằng ngày cũng coi như không đáng đăng bằng tin xe cán chó, thì chính nó, cái đồi trọc lóc, nhỏ xíu và lùn tịt nằm ở cực bắc Việt Nam Cộng Hòa, lại là điều rất quan trọng đối với tôi, đã làm tôi bỏ ăn bỏ nhậu, đã làm tôi đang phê phỡn phải tìm mọi cách ra đến nơi càng sớm càng tốt. Nó mạnh hơn những ngày phép trả thù của tôi, nó hạ đo ván tất cả những lý do, những cái mách tôi đang sắp xếp để qua mặt Tiểu đoàn trưởng, vì đó là ngọn đồi mà đại đội tôi đang trấn đóng, nơi mà anh em bè bạn, thầy trò của tôi không biết thăng sống thăng chết ra sao.

Sáng 16 tháng Ba, tôi lên trình diện Bộ tư lệnh, phòng Tư cho biết ít ra phải cả tuần nữa mới có được tên trong danh sách của chuyến bay ra Đà Nẵng - phi trường Phú Bài đã không sử dụng được vì nằm trong tầm pháo của Việt Cộng. Lúc ăn điểm tâm tại Thị Nghè sáng ngày 17 tôi đã năn nỉ thượng sĩ Tuấn, người phụ trách lập danh sách cho các chuyến bay của Sư đoàn để được có tên trong chuyến bay ngày 18. Chiều 17 tháng Ba, tôi chào gia đình để đi. Bà ngoại ôm tôi khóc. Mẹ tôi không muốn tôi đi. Và cậu tôi - tuy là em của mẹ tôi nhưng ông mới chính là bố tôi vì ông đã nuôi tôi từ ngày còn đỏ hỏn cho đến khi tôi bước chân vào đời - khuyên tôi nên đào ngũ vì tình hình theo ông biết là Mỹ sẽ bỏ rơi Việt Nam. Ông nói:

- Tình hình lúc này không còn được như trước nữa đâu con ạ! Những người Mỹ cậu quen đã lục tục về nước gần hết, chỉ còn ít người ở lại để thu xếp công việc, cậu chắc là rồi họ cũng sẽ đi nay mai gì đó thôi. Tốt nhất là con nên ở nhà để còn lo liệu cho gia đình. Nhà mình chỉ có cậu với con là đàn ông thôi.

Tôi tin là ông nói thật. Dĩ nhiên là ông không nói hết những điều ông biết nhưng ông cho tôi một lời khuyên gói trọn tất cả những điều ông cần nói. Sự quen biết của ông đủ để bảo đảm những điều ông nói nên tôi tin là ông thực sự muốn tôi đào ngũ ở nhà để tránh phải húc đầu vào những trận đánh vô ích. Nhưng tôi không nghe lời ông. Chắc chắn là Mỹ không bỏ Việt Nam, bao nhiêu xương máu và của cải của Mỹ đã đổ xuống đây rồi. Và hiện giờ Mỹ chỉ không tăng viện trợ chứ Mỹ đâu có cắt hết viện trợ. Chúng tôi đã chẳng phải chiến đấu theo kiểu nhà nghèo từ sau ngày ngưng bắn rồi ư. Còn một điều nữa là bạn tôi, anh Phát làm ở Hạ Viện, cho biết là sẽ cất đất hoặc ở An Lỗ hoặc ở Lăng Cô.

Hơn nữa, còn đồng đội tôi, còn đàn em tôi, còn danh dự tôi. Tôi sẽ ăn nói thế nào với họ khi mà tôi, thằng Huy Râu của tiểu đoàn 4 đào ngũ khi đơn vị dựng trận. Riêng chuyện trễ phép trong khi đại đội bị tấn công ở đồi 51 đã không đủ nhục hay sao, không lẽ bây giờ tôi lại bỏ mặc tụi nó, đào ngũ để lo cho thân mình vì chuyện khó

tin chưa xảy ra. Không, cậu tôi nói thật nhưng chỉ là điều ông căn cứ vào những tin tức từ bạn bè, người quen của ông; còn tôi, tôi không thể nghe lời ông vì tôi không muốn là một thằng hèn. Tôi nói với ông:

- Sống chết sướng khổ gì cũng có số hết cậu ạ. Cháu không muốn phải ngượng mỗi lần gặp lại bạn bè, đồng đội.

Tôi không phải là một người hùng, nhưng tôi cũng không phải là một người hèn. Tôi chỉ là một người lính, lính của một binh chủng chuyên môn đánh trận và chỉ nhận những người tình nguyện; tôi phải xứng đáng với màu mũ tôi đang đội, màu áo tôi đang mặc, và hơi cá nhân một chút, tôi phải xứng đáng với cặp lon tôi đang đeo... Nhưng tôi cũng không phải là một người lính gương mẫu, đức khuôn theo những điều được huấn luyện trong quân trường, thi hành đúng 8 điều, 10 điều tâm niệm của mấy ông Chiến Tranh Chính Trị để ra mà chính mấy ông ấy lại không bao giờ thi hành. Tôi là một thằng lính ba gai, cò bạc, rượu chè, trai gái đủ cả nhưng đánh giặc cũng rất tận tình. Chưa một ai, thượng cấp cũng như thuộc cấp, phải than phiền về tôi trong những trận đánh.

Trưa 18 tháng Ba, ra đến Đà Nẵng, tôi phải ngủ lại một đêm vì không có xe ra Huế. Bộ tư lệnh hành quân đang chuyển từ Hương Điền Huế vào căn cứ Non Nước Đà Nẵng. Xe cộ đang dành ưu tiên để chuyển các tiểu đoàn của Lữ đoàn 258 và 369 vào Đà Nẵng thay cho các tiểu đoàn Dù rút về Sài Gòn. Ngoại trừ phi trường Đà Nẵng rất đang chộn rộn về những đồng quan tài phủ cờ được đưa về Sài Gòn và những người dân Pleiku, Kontum được di tản bằng máy bay đến, nhịp sống của những người dân trong thành phố hình như không có gì thay đổi. Tôi và mấy người lính cùng tiểu đoàn lại lang thang trong thành phố để tìm các quán nhậu và xóm chị em ta. Cà phê, xi nê, vũ trường vẫn đông đảo tấp nập. Buổi tối chúng tôi còn kéo nhau đến xem hội chợ tại một trường nữ trung học nhân dịp lễ kỷ niệm một nữ anh hùng nào đó trong lịch sử mà tôi không nhớ. Người ta vẫn ăn diện, người ta vẫn chơi bời, người ta vẫn vui vẻ thoải mái, đường xá vẫn rất nhộn nhịp. Sinh hoạt bình thường này đã làm yên lòng những người dân vừa từ Quảng Trị và Huế chạy vào.

Căn cứ chuyển vận vẫn tối tăm, hôi hám và bẩn thỉu như thuở nào, vẫn nhộn nhịp và ồn ào vì chưa bao giờ được yên tĩnh. Những ông già mệt mỏi và những người đàn bà xốc xếch đang vật vã khóc quanh những quan tài phủ cờ được mang về ở đây không biết từ lúc nào, và cũng không biết đến bao giờ mới được mang đi. Máy bay đã không còn chỗ cho những chiếc quan tài này, và đường thủy cũng chỉ nhận mỗi ngày một số rất hạn chế. Có cả xác của những người lính của tiểu đoàn tôi đã nằm đợi ở đây bốn, năm ngày. Và thân nhân của họ ở đâu miệt lục tỉnh cũng đã ra đến, xác của họ phải được mang đi gấp vì họ chết ít ra cũng đã hơn một tuần, không hiểu thứ tự ưu tiên của căn cứ được sắp xếp thế nào mà xác họ vẫn còn để đây. Và điều này cũng làm tôi thắc mắc là từ ngày Sư đoàn tôi ra Quảng Trị, chúng tôi vẫn có những chuyến bay riêng để tiếp tế, tải thương, tải xác... tại sao bây giờ chúng tôi lại phải tải xác qua hệ thống chuyển vận của căn cứ này? Tôi được yêu cầu đứng ra can thiệp nhưng chẳng đi đến đâu cả, chỉ nhận được những lời hứa, mà lời hứa thì giá trị khi gì trong lúc này!

Chúng tôi lại kéo nhau ra cái quán nằm xế cổng căn cứ nhậu tiếp. Lại nhậu, mặc dầu mấy thằng chỉ còn một cây thuốc Capstan đem theo để đổi rượu. Tại quán nhậu, tôi gặp mấy người lính Lô Hồ đóng tại Đà Nẵng, họ cho biết nửa khuya này họ phải nhảy vào Ban Mê Thuột. Tôi nghĩ bụng quả là chó má khi cố tình giết thêm một ít người nếu đúng như họ phải nhảy vào Ban Mê Thuột. Hy vọng điều này không đúng với sự thật. Quyết định thí quân hay quyết định sai lầm của một cấp chỉ huy có thể giết chết hàng đơn vị lớn cũng không đáng trách, nhưng quyết định thả một toán lính vào một nơi mà hàng sư đoàn không chống giữ nổi, kéo theo cả một quân đoàn phải rút chạy thì cái chết của họ phí quá. Ai là người chịu trách nhiệm về những cái chết kỳ cục vô ích này? Lính cũng là người chứ đâu phải đồ chơi cho những ông xếp lớn!

Trưa 19 tháng Ba, tôi ra đến Huế. Sinh hoạt ở đây rất vội vã, vội vã chứ không ồn ào. Hình như người dân ở đây đã quá quen với những lần phải bỏ nhà bỏ cửa chạy lầy người, và hình như những người chuyên gây ra chuyện ồn ào đã bỏ chạy từ trước rồi. Những người nhà giàu đã vào Đà Nẵng hoặc Sài Gòn, những người trung lưu cũng đã vào Đà Nẵng trú thân, cái vội vã chỉ xảy ra ở những người buôn bán nhỏ, hoặc ở những người còn cố nán lại ở thành phố để kiếm thêm chút "cháo". Tôi cũng vội vã không kém. Tôi phải mua ít đồ lặt vặt để đi gấp ra tiểu đoàn trong buổi chiều để còn kịp về đến đại đội trước khi trời tối. Tôi không thể đợi đến ngày hôm sau đi theo chuyến tiếp tế vì tiểu đoàn trưởng ra lệnh tôi phải ra hành quân ngay trong ngày bằng mọi giá. Vả lại, tôi cũng không thích nhìn thành phố Huế đang trên đà gãy chết này nên ra hành quân cho êm chuyện.

Xuống xe tại sân tiểu đoàn, tôi gặp một thiếu tá rất lạ mặt đang đứng với tiểu đoàn trưởng ở cửa lều ban Ba. Tôi trình diện. Ông thiếu tá lạ hoắc đó tên là Thành cũng mang bảng tên màu đỏ của tiểu đoàn. Ông bắt tay tôi và hỏi tiểu đoàn trưởng:

- Ông sĩ quan này đây hả?

Nghe câu này, tôi biết chắc là hai người đã nói chuyện về tôi, và dĩ nhiên không phải là nói tốt. Nhầm nhò gì!

Tiểu đoàn trưởng không trả lời, quay sang nói với tôi:

- Đụ mẹ, ông về đại đội liền bây giờ.
- Đại đội tôi nằm đâu, thiếu tá?
- Đụ mẹ, không biết, ông đi cho khuất mắt tôi đi!

Tiếng chửi thề của ông rất nhỏ nhưng tôi biết ông chửi thề vì thấy môi ông mấp máy trước khi nói. Tôi chào và quay đi với một chút thích thú, đâu phải thằng nào cũng làm cho "Hitler" chửi thề được, dù chỉ chửi lảm bảm trong miệng. Ông đuổi tôi đi ngay lập tức, tức là tôi không phải trả lời ông về lý do trể phép, dĩ nhiên như vậy tôi đâu có bị phạt.

Ra đến Huế, hậu trạm đã cho tôi biết đại đội bị "banh ta lông" ở đồi 51 không phải là đại đội tôi, như vậy, cái gánh nặng trong người tôi đã được trút bỏ, chỉ còn mỗi cái gánh nhẹ nhẹ là bị phạt này bây giờ cũng được tháo bỏ nốt. Trung úy Xuân đại đội trưởng đại đội chỉ huy cho tôi biết là thiếu tá Thành sẽ thay thế thiếu tá Toàn làm tiểu đoàn trưởng, hẳn là hai ông đã bàn giao cả cái ba gai của tôi. Đại úy Phó đang tập sự làm trưởng ban Ba để đi với thiếu tá Toàn qua tiểu đoàn 18, đại đội 3 của đại úy Hiếu đã qua tiểu đoàn 14 trước, còn đại đội mới thành lập của đại úy Chiêu nay trở thành đại đội 3 đã "banh" mất nửa đại đội tại đồi 51, thiếu úy Sáng đại đội phó chết cùng với lính, trong số chết có thằng Hiếu, tên cao bồi ruột của tôi. Khi thành lập đại đội mới, tôi chắc chắn là qua làm đại đội trưởng nên đã đưa Hiếu qua trước để khi tôi qua khỏi bị rắc rối giấy tờ, nhưng cuối cùng đại úy Chiêu làm đại đội trưởng và thiếu úy Sáng làm đại đội phó, tôi gửi Sáng thằng Hiếu, đâu ngờ tôi đã gửi thằng Hiếu cho cái chết.

Tôi cũng được biết đáng lẽ đại đội 4 tôi lên nằm đồi 51 theo đúng vòng luân phiên nhưng vì thiếu đại đội phó - là tôi - nên đại đội 3 đã lên thay. Như vậy, chuyển đi phép của tôi đã cứu tôi và cứu nửa đại đội của tôi, nhưng chuyển đi phép của tôi đã làm chết oan Sáng và nửa đại đội của Sáng. Đồi 51 đã được đại đội 2 lấy lại sau đó một ngày, giải thoát được một tiểu đội còn bám lại và lấy lại toàn bộ vũ khí bị mất, chỉ thiếu có bộ phận máy nhắm của một khẩu súng cộng đồng, đồng thời tịch thu được khá nhiều vũ khí. Xác lính thiếu mấy cái được kể như mất tích. Xác thiếu úy Sáng cời trần và không có thẻ bài, được nhận diện bằng cái ống quần chặt cổ hữu và cái khóa thắt lưng đặc biệt, loại chỉ có khung mà không có mặt. Sáng và tôi ở hai đơn vị khác nhau, học cùng một khóa ở Rừng Cấm, trung tâm huấn luyện của sư đoàn, cùng về đại đội một ngày, tuy mỗi thằng chỉ huy một trung đội nhưng thường đi cặp với nhau trong những trận ử bãi. Hai thằng tôi còn là một cặp tri kỷ về nhau. Sáng, tôi và Thiện - đã đi đơn vị khác - được mệnh danh là ba cái nắp nhọn. Sáng đeo lon chuẩn úy hơi lâu trên cổ - bốn năm - mà không vì một lý do nào hết, là một trung đội trưởng kỳ cựu nhất tiểu đoàn - hơn ba năm - nên vừa lên thiếu úy vài tháng đã được làm đại đội phó. Cuộc đời binh nghiệp của Sáng khá lận đận mặc dầu là một người rất tôn trọng kỷ luật chứ không thuộc loại mất dạy như tôi. Bây giờ lên lon, lên chức liên tục dù rằng đã trể, tưởng rằng sự nghiệp kaki sẽ khá hơn chút đỉnh, nào ngờ lương thiếu úy chưa được lãnh, hồ sơ chức vụ đại đội phó chưa điều chỉnh xong thì đời Sáng đã xong. Khi địch tràn ngập vị trí phòng thủ ở đỉnh đồi, Sáng đã xin pháo binh bắn thẳng vào đầu mình, không khóa, không mã, không nguy, không ám danh đàm thoại gì hết trên hệ thống truyền tin, tiếng Sáng ngắn gọn sau một tiếng chửi thề: "*Đụ mẹ, nó đong quá, chụp lên đầu tao!*" Pháo đã chụp lên đỉnh đồi và hai chiếc máy bay cũng nhắm thẳng đỉnh đồi mà dội.

Cái chết thật anh hùng nhưng cái chết thật vô danh - đã đành. Cái sống anh hùng của cả một tiểu đội vẫn bám chặt, vẫn chiến đấu trên ngọn đồi đã bị địch tràn ngập cho đến khi được giải cứu, đã chỉ được nhắc nhở đến như một tin tức bình thường. Có vô tình quá không, mặc dù ai cũng hiểu một vài điều khích lệ lúc này, một chút cử chỉ quan tâm lúc này còn giá trị hơn một triệu hành động tuyên truyền chiến tranh chính trị. Tôi thắc mắc không hiểu tiểu đội anh hùng này là người hùng riêng của tiểu đoàn 4 hay họ cũng là anh hùng của cả binh chủng, của cả quân đội. Chắc chỉ có những ông xếp lớn chết hoặc sống hơi "ngon" một chút mới đáng là anh hùng, còn những thằng cỡ thiếu úy Sáng, cỡ tiểu đội cố thủ trên đồi 51 này thì là "cái mẹ gì". Quân đội không thiếu những anh hùng cỡ là "cái mẹ gì" mà thành ra thiếu anh hùng một cách trầm trọng. Tôi sức nhớ lại một trong những người là chiến sĩ xuất sắc thuộc tiểu đoàn tôi về dự đại hội chiến sĩ xuất sắc ở Sài Gòn năm 73 là người quanh năm suốt tháng ở hậu cứ, hầu như suốt cuộc đời nhà binh chưa hề nghe một tiếng súng bắn ngược. Hoan hô những người hùng.

Tôi hỏi trung úy Xuân:

- Đạị đặi tặi nằm ở đầu ông?
- Chỗ cũ, đén đường rằy quẹo trái.

Tôi ra khỏi chỗ đóng quân của Ban chỉ huy tiểu đoàn, băng ngang quốc lộ đi dọc lên phía bắc, qua chợ Đông Hòa cũ, mặc dù hôm đi phép tôi còn ngồi ở góc chợ uống bia chờ xe đò, nhưng bây giờ chưa đầy một tháng vắng mặt, tôi đã phải gọi là cũ vì nó chỉ còn trơ ra những cái xạp cháy dở và những tấm vách nằm ngổn ngang đầy những dấu đạn đại bác. Tôi quẹo trái vào con đường đất đỏ dẫn vào phía núi. Con đường nhỏ dẫn vào chân núi này rất quen thuộc với tôi nhưng bây giờ lạ hẳn. Ngay từ căn nhà đầu tiên, quán nhậu của mẹ con cô giáo Hương đã không còn nguyên vẹn, mái tôn đổ ụp xuống làm văng tung tóe những tấm ván thùng đạn pháo binh được đóng làm vách, căn nhà bên cạnh, tiệm hớt tóc miền quê cũng không còn cái cọc nào đứng nguyên. Suốt một dọc, những căn nhà ven chợ này đều có chung hình dạng tan nát của cái chợ. Càng vào sâu, nhà cửa càng tan hoang, dấu vết của những đợt pháo kích khủng khiếp.

Qua hết khu "thị tứ" ven chợ, băng qua một vùng sinh lớn, tôi đến khu trong. Gọi là khu trong vì có đám sinh ngăn cách với khu buôn bán bên ngoài chứ thực ra chỉ có lều tều vài căn nhà lụp xụp để ở. Khu trong còn nguyên vẹn. Tôi đến gần, một bà sư từ trong nhà đi ra, gọi tôi hỏi: "Răng eng đi giờ ni mà đi có một miếng?" Câu hỏi làm tôi sững người. Mặt trời đã lặn, tuy còn thấy rõ mặt người nhưng chỉ là ánh sáng phản chiếu mà đường vào đến đại đội tôi còn xa. Bây giờ tôi mới chợt để ý là khu này không còn người dân nào, vì nhà cửa họ cháy hết đã đành, mà tình hình lúc này không còn phải là tình hình của những ngày tôi chưa đi phép. Nhìn xuống khẩu súng, tôi nổi gai ốc khắp người, súng tôi không có đạn. Bằng động tác rất tự nhiên, tôi kê khẩu súng lên túi đạn bên hông - dĩ nhiên túi đạn cũng rỗng - đứng nghiêng người để bà sư không thể nhìn thấy chỗ lắp băng đạn của khẩu M-16 tôi cầm trên tay đang rỗng tuếch. Tôi trấn tĩnh rất nhanh.

- Có lính ra đón tôi. Tại sao bà lại ở đây có một mình?
- Tui tu hành mà eng. Eng đi cho cẩn thận chứ mấy hấn thường ra giờ ni nớ.

Tôi bước đi, trong đầu không còn nghĩ đến Sáng, không còn nghĩ đến Hiếu, không còn nghĩ đến Hùng đến Hèn gì nữa mà chỉ còn nghĩ đến mình. Tôi đã quá cầu thả để không hỏi rõ tình hình, để không lấy vài băng đạn đem theo, để không gọi máy về đại đội gọi lính đi đón. Sự cầu thả này không thể chấp nhận được. Cái lỗi này chỉ cần một chút "xui" là không bao giờ còn vấp phải lần thứ hai vì chắc chắn không còn lần thứ hai nào nữa để mà vấp phải. Tôi bước đi, hấp tấp nhưng phải cố làm ra vẻ như mình không hấp tấp, mắt đảo thật nhanh, lảo liên như một thằng ăn cắp, nhưng lại phải rất kín đáo nhìn lại phía sau, súng không có đạn mà lúc nào cũng phải nắm lấy tay cầm của khẩu súng trong tư thế sẵn sàng bắn, nhưng dĩ nhiên phải giấu phía gần băng đạn quay vào người. Cứ trong tư thế mâu thuẫn như vậy tôi đi. Trời không lạnh mà tôi run, trời không nóng mà tôi toát mồ hôi. Bàn tay phải đã ướt nhẹp mà tôi không dám rời tay cầm của khẩu súng để lau. Tôi phải giữ đúng tư thế sẵn sàng tác chiến với hy vọng may ra đánh lừa được tên du kích nào lấp ló ở đâu đó chẳng. Tôi cố gạt phắt ý nghĩ là nếu thằng du kích nào đó có súng thì cho dù tôi có ở tư thế "hiên ngang" như thế nào đi nữa thì nó vẫn có thể "tĩa" tôi một cách dễ dàng. Nhưng với tư thế này của tôi, biết đâu nó có thể nghi rằng đằng sau tôi đang còn một tốp lính nữa mà tôi chỉ là thằng xích hầu, nếu chỉ có một mình chắc chắn nó sẽ không dám bắn. Một cú thẩu cạy cạy lảng mà tôi chỉ có đôi bạt mặt. Sự bình tĩnh gần như chỉ còn là phản ứng không phải của tôi, được tăng lên theo sự rút ngắn của đoạn đường, nhưng lại giảm xuống theo sự mất dần của ánh sáng. Lời nói dối bà sư khi nãy trở thành niềm hy vọng to lớn tôi mong chờ: tôi chờ được gặp tốp lính đang trên đường đi đón.

Đến đường rầy là ngã ba đường thì cũng lại là ngã ba đường của tôi, "chỗ cũ" của đại đội tôi và "tới đường rầy quẹo trái" là hai địa điểm ngược đường với nhau, quẹo trái thì không thể nào đến chỗ cũ, mà đi băng qua đường rầy thì lại sai với lời chỉ đường. Tôi chửi thầm trung úy Xuân đã chỉ đường cho tôi một cách bá láp, tôi chửi thầm tôi đã không kịp nhận định cho rõ trước khi rời tiểu đoàn, tôi cũng chửi thầm luôn đại đội trưởng đã biết tôi về đến mà không cho lính đi đón. Tôi phân vân nhưng không được phép chần chừ, quyết định chậm phút nào là kéo dài sự nguy hiểm thêm phút nấy. Tôi không dám lên chỗ cao để nhìn cho xa, vì ánh sáng lúc này không đủ cho tôi nhìn xa và bóng tối lại quá đủ cho thân hình tôi in rõ nét trên nền trời. Chỉ còn chừng ba mươi thước là đến đúng chỗ rẽ, suy tính của tôi không được phép lâu hơn ba mươi bước đôi của một người bước vội. Tôi không còn lựa chọn giữa hai nơi "chỗ cũ" và "đến đường rầy quẹo trái" nữa, mà tôi chỉ còn được phép chọn lựa lối đi theo địa thế. Nếu đi băng qua đường rầy tôi sẽ phải đi băng qua mấy cái đồi trọc nằm thoải thoải, dễ chết quá, tôi sẽ là một mục tiêu rất rõ cho những tay súng nhắm bắn từ sát mặt đất. Còn nếu quẹo trái, tôi sẽ phải đi vào con đường mòn thật nhỏ, quanh co và nhiều bụi rậm, cũng dễ chết lắm vì khu này đã không được "ổn" từ những ngày tôi chưa đi phép, huống hồ bây giờ.

Tôi quyết định quẹo trái vì chưa chắc hiện giờ lối nào "ôn" hơn lối nào. Nếu đi trên đồi, hai bên gặp nhau thì thằng chết chỉ là tôi, nghĩa là kể cả trường hợp tôi thấy địch trước, vì tôi không có lấy một viên đạn... làm thuốc. Còn nếu quẹo trái, ngộ nhờ có đụng đầu nhau, kể cả trường hợp tôi thấy địch sau, tôi vẫn còn có thể lủi vào bụi rậm hai bên đường để mà "chầu". Tôi đi rất cẩn thận, nghe ngóng và dọ dẫm ở những khúc quanh và chạy thật nhanh ở những khúc thẳng. Đến bụi rậm cuối cùng, tôi dừng lại quan sát ngọn đồi trước mặt. Con đường lượn lên dốc thoải vòng quanh chân đồi, bên phải trống trơn, một vài bụi rậm nhỏ không đủ che giấu cho tôi đi qua được chân đồi vì bên trái con đường, lên cao một chút trên sườn đồi đang có lỗ nhỏ mấy người đứng ngồi nhấp nha nhấp nhô. Bằng mắt với ánh sáng và khoảng cách lúc này tôi không thể phân biệt được họ là ai, mình hay địch. Không phân biệt được bằng mắt thì phân biệt bằng tai vậy: tôi cố gắng lắng nghe họ nói chuyện. Dĩ nhiên với khoảng cách này thì chỉ tiếng được tiếng mất, nhưng tôi đâu cần nghe câu chuyện của họ, mà tôi chỉ cần phân biệt cái giọng của họ, nếu giọng Nam thì thật "đã điếu", mọi chuyện sẽ êm xuôi tại đây, còn nếu giọng Bắc nhà quê hoặc giọng trợ trợ miền Trung thì... đằng sau quay, và chắc chắn là tôi sẽ có một đêm ngủ vật vờ trong bụi để làm mồi cho lũ muỗi rừng và... đợi sáng tính sau.

Tôi vận dụng tất cả mọi khả năng, dồn hết sức sống của tôi vào đôi tai để chờ đợi, nhưng ngoài tiếng côn trùng và tiếng gió, tôi không nghe được một tiếng nói nào của mấy người trên sườn đồi kia. Tuy nhiên, tôi bình tĩnh thật lạ lùng, cái bình tĩnh của thằng lính khi ra trận đã biết rõ mục tiêu, biết rõ từng vị trí của địch, đã nghe tiếng súng nổ, không còn sự hồi hộp lo sợ của sự chờ đợi những viên đạn đầu tiên của địch thay cho lệnh khai hỏa ghim vào thân thể mình trước khi kịp nghe tiếng súng, không còn là chuyện may rủi trời kêu ai nấy dạ của những viên đạn bắn sể nữa, mà là cái bình tĩnh của một sự việc đã được tính toán, đúng thì sống mà sai thì... húp cháo rùa.

- Đù má, lâu dzậy mậy?

Tiếng nói đột ngột, không đủ lớn nhưng đủ lọt vào tai tôi. Xong rồi! Tiếng chửi thề nghe sao dễ thương lạ. Tiếng chửi thề đã chấm dứt sự nguy hiểm bao quanh tôi. Bọn này hẳn phải là lính đại đội tôi, đang gài mìn tại tiền đồn cấp tiểu đội. Tôi ung dung trở ra đường mòn, bằng điệu bộ rất thoải mái, súng vác vai vừa đi vừa huýt gió "cờ bay cờ bay oai hùng..." để tránh sự bất ngờ có thể gây ra ngộ nhận. Mấy người lính dừng tay nhìn tôi, và khi đi vòng theo chân đồi không thấy ai lên tiếng hỏi thăm, chắc là tối quá tụi nó không nhận ra mình, tôi lên tiếng:

- Đứa nào đó bay?

Không nghe tiếng trả lời, tôi hỏi tiếp:

- Đại đội 4 phải không?

- Đụ mẹ, đi đâu về trễ vậy cha nội?

Tôi bực mình, lính tráng thế này thì hồng rồi, tôi xẵng giọng:

- Đại đội nằm đâu?

- Ủa, phép ra há mậy, đi tới là gặp liền. Mà đi lẹ lẹ nghe cha nội, coi chừng tụi nó gài "đồ chơi" rồi đó.

- Có máy không, báo là tao về tới, khoan gài.

- Không.

Tiếng không cụt ngắn và có vẻ hơi xẵng. Tôi vừa bực mình vừa buồn cười liên tưởng đến một chuyện cũ. Năm 72, tôi bị thương, trong khi nằm ở tiểu đoàn đợi trực thăng tải thương, có một tay cũng bị thương và đợi trực thăng như tôi xin tôi điều thuốc và hỏi một câu làm quà:

- Đụ mẹ, mày cũng bị thương hả?

Tay lính này chắc chắn chưa tới hai mươi, mặt mũi còn non choẹt và điệu bộ đầy vẻ dè dặt buồn sùng. Tôi trả lời ậm ừ. Nó hỏi tiếp:

- Mày trung đội mấy?

- Trung đội 2.

- Tao cũng trung đội 2, mày tiểu đội mấy?

- Tao ở PC trung đội.

- Đụ mẹ, mày tà lợt mà cũng bị thương hả?

- Ờ, tao trung đội trưởng.

Thằng bé bẽn lẽn:

- Ủa, ông thầy, em đâu có biết.

Dĩ nhiên là nó không biết tôi, và cả tôi cũng không biết nó. Nó là một thằng lính mới tò te, rất tò te vừa được đưa từ trung tâm huấn luyện Rừng Cấm ra tiểu đoàn, ban Một tiểu đoàn phân phối cho đại đội, thường vụ đại

đội chia cho trung đội, trung đội phó nhận rồi đưa ra tiểu đội. Trung đội đang "ủ bãi", nó về đến trung đội buổi chiều, buổi tối tôi bị thương, nó đâu thể biết trung đội trưởng là ai được.

Còn một chuyện nữa, cũng năm 72. Tiểu đoàn trưởng lúc đó là trung tá Quang. Trên hệ thống truyền tin ông là Quang Trung, nhưng trên cửa miệng của những thằng lính chúng tôi thì ông là Quang Bóp Cổ. Nghe tên Quang Bóp Cổ phải hiểu ngay ông là nhân vật như thế nào trong đơn vị. Tiểu đoàn nằm ở thôn Bích La bên cạnh bờ sông Vĩnh Định, đại đội tôi nằm ôm tiểu đoàn. Một hôm Việt Cộng chen vào giữa đại đội 2 và tiểu đoàn. Sáng hôm sau chúng tôi đánh bật Việt Cộng ra ngoài đồng trống, thôi thì lính tráng tha hồ bắn những cái bia di động. Quang Bóp Cổ cũng lấy M-79 ra bắn loạn xạ ngẫu. Tụi tôi thấy Quang Bóp Cổ thằng nào cũng né, dạt ra một nơi. Chuẩn úy Chiếm lúc đó đang đi OJT trong đại đội, thấy một thằng mặc áo thun ba lỗ bắn M-79 dỏ ẹc, anh chàng đi tới vừa giựt khẩu súng vừa chửi thề:

- Đụ mẹ, bắn như cái con cặc mà cũng đòi bắn, đưa đây tao!

Đó là những mẫu chuyện ngộ nhận, nhưng trường hợp tôi bây giờ lại khác. Trong toán lính này ít nhất cũng phải có một thằng biết tôi; không kể thời gian làm trung đội trưởng, tôi đã làm đại đội phó đại đội 4 này ít ra cũng đã hơn hai năm rồi. Tại sao ngay cả tên chỉ huy cũng không nhận ra tôi? Hay là...

Tôi chạy thật nhanh, lần này thì chạy thật chứ không còn giả vờ gì nữa, để kịp về đến đại đội trước khi mìn và lựu đạn gài chặn lối đi. Tôi chạy một mạch gần hai trăm thước tới chân đồi đại đội, thấy mấy người lính đang từ trên đồi đi xuống, tôi đi ngược lên. Khi tới ngang họ, tất cả dừng lại tránh lối cho tôi đi lên, họ nhìn tôi có vẻ ngạc nhiên, tôi nhìn họ cũng rất ngạc nhiên, tất cả những khuôn mặt đều lạ. Tôi hỏi:

- Đại 4 phải không?
- Ừa, đại 4.

Một người lính từ trong lều trên đồi bước ra hỏi vọng xuống:

- Gì đó bay?

Tôi bỏ toán lính, đi tiếp lên đồi. Toán lính nhìn nhau rồi nhìn tôi, rồi lại nhìn nhau. Khi tôi đi qua người lính gác, đi tới người lính đứng trên đồi, họ mới tiếp tục đi xuống. Người lính đứng trên đồi hỏi vọng xuống là ông thượng sĩ già. Tôi nhìn kỹ bảng tên, bảng tên màu hồng. Té ra đây là đại đội 4 của tiểu đoàn 7. Rõ chán!

- Thượng sĩ cho tôi gặp đại đội trưởng.

Người lính già trở mắt nhìn tôi, chắc chắn là không hiểu gì cả, bảo tôi đứng đợi rồi chui vào cái lều lớn ở giữa sân. Ông ta không hiểu nhưng tôi hiểu là mình đã đến làm đơn vị, và việc của tôi ngay lúc này là phải gặp đại đội trưởng ở đây để nhờ liên lạc với đại đội tôi cho người đến đón. Nguy hiểm có thể đã hết, nhưng mệt thì còn nhiều.

Ông thượng sĩ trở ra, tay cầm đèn được thắp bằng pin của máy PRC-25; một người nữa ra theo, tôi nhận ra người đi sau là Minh, bạn tôi.

- É Minh, cho tao gặp đại đội trưởng mày.

Ông thượng sĩ lại trở mắt nhìn tôi thêm một lần nữa, ông ta không thể hiểu tôi là cái giống gì. Tôi không đeo lon. Tuy nhiên ông ta không nói tiếng nào, lặng lẽ bỏ đi khi nghe Minh nói với tôi:

- Đụ mẹ, mày làm cái con cặc gì mà tới đây giờ này, vô đây phê pháo cái đã, mọi chuyện tính sau.

Tôi theo Minh vào lều nhưng sốt ruột, lại hỏi:

- Tao gặp đại đội trưởng mày đã, phê pháo mẹ gì.
- Phê pháo đã mà, ông đang bận.
- Ừa, bộ mọi chuyện đại đội trưởng mày làm hết hả?
- Đâu có, đại đội phó làm chứ.
- Vậy ông bận cái gì?
- Bận tiếp khách.
- Mẹ kiếp, té ra mày là đại đội trưởng à?
- Chứ còn thằng con cặc nào vô đây!

Vừa uống cà phê tôi vừa kể cho Minh nghe chuyện vừa qua, Minh nhìn tôi cười:

- Đụ mẹ, mặt mày lớn mà mạng mày cũng lớn, lóng rày tụi nó ra hà rằm.
- Lớn cái con củ cải, tao biết chó đâu đó, đến lúc biết đã ngồi cha nó trên lưng cạp rồi.

Tôi nhờ Minh liên lạc với đại đội tôi, nhưng vì khác tiểu đoàn nên không có tần số để liên lạc, tôi đành phải xin ít đạn và mấy quả lựu đạn để tiếp tục... du lịch. Minh cho mấy người lính đi theo tôi. Về đến chỗ cũ của đại đội, đại đội tôi không còn đóng ở đây, thay vào đó là một toán tiền đồn thuộc đại đội Trinh Sát của sư đoàn - Viễn Thám cũ. Tôi cho lính của Minh về và nhờ một người lính Trinh Sát đưa tôi về gặp trung đội trưởng của họ.

Người trung đội trưởng này là một sĩ quan còn rất trẻ mà tôi không quen nên anh ta nói chuyện với tôi một cách dè dặt. Tôi phải moi tất cả giấy tờ có trong người như thẻ căn cước quân nhân, chứng chỉ tại ngũ và cả tờ giấy phép có chữ ký của trung tướng Ngô Quang Trưởng cho anh ta xem. Tôi chỉ nhờ anh ta mỗi một điều là báo cáo và cho người dẫn tôi về gặp đại đội trưởng của anh ta. Lại muốn gặp đại đội trưởng!

Tôi nghe rất rõ tiếng ông đại đội trưởng - tôi biết là đại úy Lực - phát ra từ ống liên hợp của máy truyền tin.

- Đụ mẹ, không tin thằng nào hết, giấy tờ giả thiếu chó gì. Ông cho tôi biết nó người Bắc hay người Nam.

Tức cười, lúc này tôi đã dùng cách phân biệt Bắc Nam để phán đoán ta hay địch, bây giờ tôi lại bị người khác dùng cùng một cách để đánh giá tôi là ai. Hồng bét rồi, tôi là một thằng Bắc Kỳ trăm phần trăm, không sai một ly ông cụ nào, từ giọng nói đến những tiếng tôi đang dùng đều là Bắc Kỳ đặc.

- Ông này Bắc Kỳ nhưng trông cũng có vẻ lính mình.
- Ông cho người mang thằng đó về đây cho tôi.

Mang tôi đi tức là tôi bị tước súng và áp giải như một thằng tù binh. Mẹ kiếp, thằng này chứ có phải thằng nào khác đâu, đâu có chuyện tước súng tôi một cách dễ dàng như vậy được.

Bỗng nhiên tôi nổi giận:

- Này, đừng có làm cái trò sĩ nhục nhau như vậy chứ thiếu úy!

Anh ta cho một người lính dẫn tôi về đại đội Trinh Sát. Đại úy Lực không tiếp tôi. Ông ta để tôi đứng ngoài sân với người thượng sĩ thường vụ, tiếng ông ta hỏi vọng ra từ trong lều:

- Anh ở đơn vị nào?
- Đại đội 4 tiểu đoàn 4.
- Chức vụ gì?
- Đại đội phó.

Tiếng ông ta dụ lại:

- Đại đội trưởng anh là ai?
- Tôi không phải là tù binh để phải đứng ngoài trời này khai lý lịch vọng vào lều cho đại úy. Tôi chỉ nhờ đại úy liên lạc với đại đội tôi cho lính đến đón tôi về.
- Đụ mẹ, liên lạc đâu có khó, nhưng tôi phải biết anh là ai chứ!
- Đại đội trưởng tôi là 369. Đại úy chỉ cần nói là 520 đang ở chỗ đại úy.

Chỉ hai phút sau, ông ta nói vọng ra không phải với tôi mà với ông thượng sĩ.

- Ông cho dẫn người này ra chỗ toán của thằng..." (tên người này tôi không nhớ).

Thượng sĩ thường vụ đi gọi người. Lúc này đại úy Lực mới từ trong lều chui ra, ông ta tới bắt tay tôi:

- Thằng Gắt - đại đội trưởng tôi - cho người đi đón ông lâu rồi, tôi cho người dẫn ông tới đó.

Tôi cảm ơn rồi đi theo người lính dẫn đường. Toán lính đi đón đang ngồi đợi tôi ở ngay chỗ đại đội tôi đóng cũ, vị trí của toán tiền đồn Trinh Sát, nơi mà tôi và mấy người lính của Minh đã đến. Phải chi tụi nó đến sớm hơn một chút hoặc phải chi tôi ngồi chơi với Minh lâu hơn một chút thì đâu đến nỗi phải đi lòng vòng và phải khai lý lịch với bọn "vịt tiềm" này.

Trung sĩ Khang cho tôi biết là họ phải băng ngang làng Đồng Lâm ra đón tôi ngoài quốc lộ, sợ tôi đi qua làng một mình chắc chắn sẽ bị "xé phay" liền. Đợi hoài không thấy, họ phải đi dọc quốc lộ về tiểu đoàn tìm tôi, gặp trung úy Xuân nói tôi đi về chỗ đại đội đóng cũ, sau đó đại đội trưởng cũng gọi máy bảo họ về chỗ này đợi tôi.

- Đại đội nằm đâu, mày?
- Sau làng Đồng Lâm. Mấy hôm nay mình ăn pháo lia chia!
- Có thằng nào bị gì không?
- Có mỗi một trái lựu vô vị trí, banh một cái lều còn thì rút cách mình cả trăm thước. Có điều ban ngày mình không dám căng lều, sợ tụi nó thấy.

Bọn tôi đi tắt đường ruộng về đến đại đội, lính đổi gác cũng đã đến ca áp chốt.